TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hùng

2. Ông Trịnh Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Oanh là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đoàn Bá N, sinh năm: 1946

Thường trú tại: Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà N có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1955

Thường trú tại: Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Số A tổ E, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà L vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 19 tháng 9 năm 2022, ngày 28 tháng 9 năm 2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn Bá N trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào năm 1975, 1976 và có tổ chức đám cưới nhưng hiện nay không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn do thất lạc. Ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L chung sống đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và lối sống không còn phù hợp nên cuộc sống không hòa thuận, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được. Ông N và bà L đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên ông Đoàn Bá N yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L có 05 con chung là Đoàn Thị L1, sinh năm 1976 (đã chết), Đoàn Bá L2, sinh năm 1979, Đoàn Bá L3, sinh năm 1985, Đoàn Bá L4, sinh năm 1988, Đoàn Thị L5, sinh năm 1990. Hiện nay 04 con chung đã thành niên và đã có gia đình riêng nên ông Đoàn Bá N không có yêu cầu gì về 04 con chung.

- Về tài sản chung: Ông Đoàn Bá N trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng ông Đoàn Bá N không yêu cầu giải quyết tài sản chung;

- Về nợ chung: Ông Đoàn Bá N trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra ông Đoàn Bá N không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Theo biên bản lấy lời khai thì bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Đoàn Bá N là quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào năm 1975 nhưng hiện tại giấy chứng nhận kết hôn thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án. Ông bà đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới. Bà Trần Thị L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đoàn Bá N vì ông N hết tình cảm với bà, bà không thể níu kéo được, tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại ông N có tình cảm với người khác, ông bà đã sống ly thân khoảng 3 tháng nay, bà và ông N không thể sống chung với nhau được nữa nên bà L đồng ý ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Đoàn Bá N có 05 con chung là Đoàn Thị L1, sinh năm 1976 (đã chết), Đoàn Bá L2, sinh năm 1979, Đoàn Bá L3, sinh năm 1985, Đoàn Bá L4, sinh năm 1988, Đoàn Thị L5, sinh năm 1990. Hiện các con đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị L và ông Đoàn Bá N không có tài sản chung;

- Về nợ chung: Bà Trần Thị L và ông Đoàn Bá N không có nợ chung.

Ngoài ra bà Trần Thị L không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Vụ án đã được Toà án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hòa giải được vì lý do vắng mặt bị đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn ông Đoàn Bá N chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Trần Thị L chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Bá N, cho ông Đoàn Bá N được ly hôn với bà Trần Thị L, về con chung đã thành niên nên đề nghị không xem xét về con chung, về tài sản chung ông Đoàn Bá N trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng ông Đoàn Bá N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét về tài sản chung, về án phí ông Đoàn Bá N có đơn xin miễn án phí và ông N là người cao tuổi nên đề nghị miễn cho ông N tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Đoàn Bá N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trần Thị L, bị đơn bà Trần Thị L có nơi cư trú tại thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Trần Thị L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào năm 1975, 1976 nhưng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Ngày 15/5/2023, Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình có văn bản trả lời cho Tòa án, qua kiểm tra,

xác minh hệ thống sổ hộ tịch trong đó có sổ đăng ký kết hôn các năm, từ năm 2023 trở về trước cho thấy sổ hộ tịch trong đó có sổ đăng ký kết hôn thời điểm năm 1975, 1976 hiện tại UBND xã không còn lưu giữ được. Vì vậy, xác định ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L đã có quan hệ vợ chồng từ năm 1975. Quan hệ vợ chồng ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L được xác lập trước ngày 03/01/1987 thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 3 của Nghị quyết về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, xác định hôn nhân được xác lập giữa ông N và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn ông N trình bày vợ chồng chung sống đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và lối sống không còn phù hợp nên cuộc sống không hòa thuận, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được. Ông N và bà L đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên ông Đoàn Bá N yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị L. Bị đơn bà Trần Thị L trình bày bà Trần Thị L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đoàn Bá N vì ông N hết tình cảm với bà, bà không thể níu kéo được, tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại ông N có tình cảm với người khác, ông bà đã sống ly thân khoảng 3 tháng nay, bà và ông N không thể sống chung với nhau được nữa nên bà L đồng ý ly hôn với ông N. Bị đơn bà Trần Thị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng bị đơn không đến và cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ bị đơn đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Căn cứ biên bản xác minh ngày 13/3/2023 của Tòa án tại Hội L6 phụ nữ xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về hôn nhân giữa ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L thì ông N và bà L không còn chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông N về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng với thực tế.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà L trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa ông N và bà L không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đoàn Bá N, cho ông Đoàn Bá N được ly hôn với bà Trần Thị L là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Ông N và bà L đều trình bày trong quá trình chung sống ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị Lương s được 05 con chung là Đoàn Thị L1, sinh năm 1976 (đã chết), Đoàn Bá L2, sinh năm 1979, Đoàn Bá L3, sinh năm 1985, Đoàn Bá L4, sinh năm 1988, Đoàn Thị L5, sinh năm 1990. Hiện nay

04 con chung đã thành niên nên ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L đều không có yêu cầu gì về 04 con chung.

Xét thấy hiện nay 04 con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về 04 con chung là đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Ông Đoàn Bá N không yêu cầu giải quyết tài sản chung, bà Trần Thị L trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là đúng pháp luật.

[5] Về nợ chung: Ông Đoàn Bá N và bà Trần Thị L trình bày vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung là đúng pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Đoàn Bá N khởi kiện ly hôn nhưng ông Đoàn Bá N là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí vì vậy thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên ông Đoàn Bá N được miễn nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 3 của Nghị quyết về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Bá N đối với bà Trần Thị L về việc tranh chấp ly hôn.

Cho ông Đoàn Bá N được ly hôn với bà Trần Thị L.

2. Về án phí:

Ông Đoàn Bá N được miễn nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 08/6/2023); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Đinh Xuân Trường